

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **553**/NHNN-DBTK

V/v cung cấp danh sách doanh nghiệp
có hoạt động thu/chi về dịch vụ với
nước ngoài và trả lời phiếu điều tra về
hoạt động XNK dịch vụ năm 2020,
6 tháng đầu năm 2021

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2021

Kính gửi:

- Các Ngân hàng thương mại;
- Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Các Công ty tài chính;
- Các Công ty cho thuê tài chính.

Thực hiện Chương trình điều tra Thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, hàng năm Tổng cục Thống kê đang tiến hành Điều tra xuất, nhập khẩu dịch vụ đối với các doanh nghiệp, trong đó có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ của các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và chi nhánh các ngân hàng nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin để biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc lĩnh vực tài khoản quốc gia và cán cân thanh toán quốc tế. Theo chức năng nhiệm vụ và sự phân công của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Tổng cục Thống kê triển khai thu thập các thông tin sau:

- Xuất, nhập khẩu (thu, chi) dịch vụ với nước ngoài của các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và chi nhánh các ngân hàng nước ngoài;

- Danh sách các doanh nghiệp thuộc tất cả các loại hình kinh tế, đóng tại Việt Nam, có hoạt động thu/chi về dịch vụ với nước ngoài qua hệ thống ngân hàng trong năm 2020.

Để việc công tác điều tra đạt kết quả tốt, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị Quý đơn vị thực hiện những công việc sau:

1. Trả lời đầy đủ, chính xác các thông tin, số liệu theo yêu cầu tại 02 mẫu phiếu sau: Phiếu số 05/ĐTXNKDV – TCNH – N và Phiếu số 05/ĐTXNKDV – TCNH – 6T về hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ của các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và chi nhánh các ngân hàng nước ngoài trong năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021 (02 mẫu phiếu 05 và hướng dẫn đính kèm).

Phiếu điều tra nói trên và phần giải thích hướng dẫn điền phiếu Quý đơn vị có thể tải về từ trang thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Mục Thống kê/Điều tra thống kê).

2. Cung cấp danh sách khách hàng là các doanh nghiệp thuộc tất cả các loại hình kinh tế, đóng tại Việt Nam, có hoạt động thu/chi về dịch vụ với nước ngoài qua hệ thống ngân hàng trong năm 2020 theo mẫu biểu và hướng dẫn đính kèm. (Lưu ý: Các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính **không** thuộc đối tượng báo cáo danh sách doanh nghiệp này).

Danh sách các doanh nghiệp và 02 Phiếu điều tra số 05 đã được điền đầy đủ thông tin, đề nghị gửi về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trước ngày **25/8/2021** bằng văn bản và **file excel** theo địa chỉ:

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Dự báo, thống kê)

49 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.826.8788 hoặc 0243.9360408, ext: 418068/418118;

Địa chỉ email: **phongcett@sbv.gov.vn**

Rất mong sự hợp tác của Quý đơn vị. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTĐ Nguyễn Kim Anh (đề b/cáo);
- Lưu VP, DBTK, NTTXuân (01). 

Đính kèm:

- Danh sách các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và chi nhánh các ngân hàng nước ngoài;
- Mẫu Danh sách doanh nghiệp phát sinh thu, chi dịch vụ với nước ngoài năm 2020;
- 02 Mẫu phiếu 05/ĐTXNKDV - TCNH và hướng dẫn phiếu điều tra.

TL. THỐNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ DỰ BÁO, THỐNG KÊ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Lê Quốc Hưng

DANH SÁCH TCTD CÓ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI
(Tính đến ngày 30/6/2021)

STT	Tên Ngân hàng Thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài
1	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
2	Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (GP Bank)
3	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương
4	Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng
5	NGÂN HÀNG TMCP Công thương Việt Nam
6	NGÂN HÀNG TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
7	NGÂN HÀNG TMCP Ngoại Thương Việt Nam
8	NGÂN HÀNG TMCP Á Châu
9	NGÂN HÀNG TMCP An Bình
10	NGÂN HÀNG TMCP Bảo Việt
11	NGÂN HÀNG TMCP Bán Việt
12	NGÂN HÀNG TMCP Bắc Á
13	NGÂN HÀNG TMCP Bưu điện Liên Việt
14	NGÂN HÀNG TMCP Đại Chúng Việt Nam
15	NGÂN HÀNG TMCP Đông Á
16	NGÂN HÀNG TMCP Đông Nam Á
17	NGÂN HÀNG TMCP Hàng Hải
18	NGÂN HÀNG TMCP Kiên Long
19	NGÂN HÀNG TMCP Kỹ Thương Việt Nam
20	NGÂN HÀNG TMCP Nam Á
21	NGÂN HÀNG TMCP Phương Đông
22	NGÂN HÀNG TMCP Quân Đội
23	NGÂN HÀNG TMCP Quốc Tế
24	NGÂN HÀNG TMCP Quốc dân
25	NGÂN HÀNG TMCP Sài Gòn
26	NGÂN HÀNG TMCP Sài Gòn Công Thương
27	NGÂN HÀNG TMCP Sài Gòn – Hà Nội
28	NGÂN HÀNG TMCP Sài Gòn Thương Tín
29	NGÂN HÀNG TMCP Tiên Phong
30	NGÂN HÀNG TMCP Việt Á
31	NGÂN HÀNG TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
32	NGÂN HÀNG TMCP Việt Nam Thương Tín
33	NGÂN HÀNG TMCP Xăng dầu Petrolimex
34	NGÂN HÀNG TMCP Xuất Nhập Khẩu
35	NGÂN HÀNG TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
36	Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Indovina
37	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga
38	Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam

DANH SÁCH TCTD CÓ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI
(Tính đến ngày 30/6/2021)

39	Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam
40	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam
41	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam
42	Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam
43	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
44	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam
45	Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam
46	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam
47	Agricultural Bank of China Hà Nội
48	Bank of China (Hong Kong) TP. Hồ Chí Minh
49	Bank of India TP. Hồ Chí Minh
50	Bank of Communications TP. Hồ Chí Minh
51	Bangkok Hà Nội (BC cùng vs CN TPHCM)
52	Bangkok TP. Hồ Chí Minh
53	BIDC Hà Nội
54	BIDC TP. Hồ Chí Minh
55	BNP Paribas Hà Nội
56	BNP Paribas TP. Hồ Chí Minh
57	BPCE IOM TP. Hồ Chí Minh
58	Busan Hồ Chí Minh
59	Cathay Chu Lai
60	China Construction Bank TP. Hồ Chí Minh
61	Citibank Hà Nội
62	Citibank TP. Hồ Chí Minh
63	CTBC TP. Hồ Chí Minh
64	DBS TP. Hồ Chí Minh
65	Deutsche bank AG TP. Hồ Chí Minh
66	Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN - chi nhánh Đồng Nai
67	First Commercial Bank Hà Nội
68	First Commercial Bank TP. Hồ Chí Minh
69	Hua Nan TP. Hồ Chí Minh
70	Ngân hàng Industrial and Commercial Bank of China - Chi nhánh TP Hà Nội
71	Industrial Bank of Korea Hà Nội
72	Industrial Bank of Korea TP Hồ Chí Minh
73	JP Morgan TP. Hồ Chí Minh
74	KEB – Hana Chi nhánh Hà Nội
75	KEB - Hana TP. Hồ Chí Minh
76	Kookmin Hà Nội
77	Kookmin TP. Hồ Chí Minh

DANH SÁCH TCTD CÓ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỜI
(Tính đến ngày 30/6/2021)

78	Malayan Banking Berhad chi nhánh Hà Nội (Maybank Hà Nội)
79	Malayan Banking Berhad TP. Hồ Chí Minh (Maybank TP. Hồ Chí Minh)
80	Mega ICBC TP. Hồ Chí Minh
81	Mizuho Hà Nội
82	Mizuho TP. Hồ Chí Minh
83	MUFG Bank, Ltd.-Chi nhánh Thành phố Hà Nội (tên cũ: BTMU Hà Nội)
84	MUFG Bank, Ltd.-Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (tên cũ: BTMU HCM)
85	Nonghyup- Chi nhánh Hà Nội
86	OCBC TP. Hồ Chí Minh
87	Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd – CN Đồng Nai
88	The Siam Commercial Bank Public Company Limited - TP. Hồ Chí Minh
89	SinoPac – Hồ Chí Minh
90	SMBC Hà Nội (Ngân hàng Sumitomo Mitsui chi nhánh Thành phố Hà Nội)
91	SMBC TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Sumitomo Mitsui chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh)
92	Taipei Fubon Bình Dương
93	Taipei Fubon Hà Nội
94	Taipei Fubon TP. Hồ Chí Minh
95	United Oversea Bank TP. Hồ Chí Minh
96	Ngân hàng Deagu
97	Ngân hàng Đại chúng TNHH KASIKORNBANK – chi nhánh HCM
STT	Tên Công ty Tài chính và Công ty Cho thuê tài chính
98	Công ty tài chính TNHH MTV Bưu điện
99	Công ty tài chính TNHH một thành viên Cộng Đồng
100	Công ty tài chính cổ phần Điện Lực
101	Công ty tài chính cổ phần Handico
102	Công ty tài chính TNHH MTV Lotte Việt Nam
103	Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)
104	Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng
105	Công ty tài chính TNHH HD Saison
106	Công ty tài chính TNHH MTV Home credit Việt Nam
107	Công ty Tài chính Shinhan Việt Nam (Shinhan Finance)
108	Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS
109	Công ty tài chính TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy
110	Công ty tài chính TNHH MTV Toyota Việt Nam
111	Cong ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội
112	Công ty tài chính cổ phần Tín Việt (Công ty tài chính cổ phần Xi Măng)
113	Công ty tài chính TNHH MB. Shinsei (liên doanh)
114	Công ty cho thuê tài chính (CTTC) TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy

DANH SÁCH TCTD CÓ HOẠT ĐỘNG NGOẠI HỐI
(Tính đến ngày 30/6/2021)

115	Công ty CTTC TNHH MTV Kexim Việt Nam
116	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Á Châu
117	Công ty CTTC TNHH MTV Ngân hàng Công thương Việt Nam
118	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
119	Công ty CTTC I Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
120	Công ty TNHH MTV CTTC Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
121	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Việt Nam
122	Công ty TNHH CTTC Quốc tế Chailease
123	Công ty TNHH CTTC BIDV – Sumi Trust



TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Phiếu số: 05/ĐTXNKDV-TCNH-N

DN số:

Cơ quan Thống kê ghi

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ THU, CHI DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2021

Áp dụng cho các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Thực hiện theo Quyết định số 1634/QĐ-TCTK ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này đối với các doanh nghiệp được quy định theo Luật Thống kê.
- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu:

- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, hãy khoanh tròn vào một ô mã tương ứng với câu trả lời thích hợp nhất.
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, hãy ghi thông tin, số liệu vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1- Tên doanh nghiệp:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

- Tên giao dịch (nếu có):
- Mã số thuế của doanh nghiệp (Viết đủ 10 số)

2- Địa chỉ doanh nghiệp (ghi đầy đủ nơi đặt trụ sở chính của DN)

- Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:
- Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh):
- Xã/phường/thị trấn:
- Thôn, ấp, (số nhà, đường phố):
- Tên người đứng đầu doanh nghiệp:

- Số điện thoại:

Mã khu vực

--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--

- Số Fax:

Mã khu vực

--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--

- Họ và tên người chịu trách nhiệm chính điền phiếu: Email:
- Phòng/ban/bộ phận người điền phiếu làm việc: Số điện thoại:

3- Loại hình kinh tế của doanh nghiệp (Khoanh tròn chữ số phù hợp):

1. DN Nhà nước
2. DN ngoài nhà nước
3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

4- Ngành hoạt động sản xuất kinh doanh chính năm 2020:

(Là ngành tạo ra giá trị sản xuất lớn nhất. Nếu không xác định được giá trị sản xuất thì dựa vào ngành có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)

Tên ngành:

--	--	--	--	--

Cơ quan TK ghi (VSIC 2018)

5- Địa chỉ liên hệ lại với cơ quan thống kê: nếu cần trao đổi thêm, xin vui lòng liên hệ với:

- Tên cán bộ thống kê:
- Số điện thoại: E-mail:
- Chi cục Thống kê: Cục Thống kê:
- Địa chỉ:

Thư

6. Thu/chi dịch vụ với nước ngoài
Đơn vị tính: USD ()*

Tên chỉ tiêu	Mã dịch vụ/Mã số	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2020		Thực hiện năm 2020	
		Thu	Chi	Thu	Chi
B	C	1	2	3	4
I. Dịch vụ tài chính	07				
II. Dịch vụ khác	10	x	x	x	x
1. Dịch vụ viễn thông	0901	x		x	
2. Dịch vụ xây dựng	05	x		x	
3. Phí bảo hiểm (Không bao gồm phí bảo hiểm đối với hàng hóa nhập khẩu mà DN mua của nước ngoài)	19	x		x	
4. Nhận bồi thường bảo hiểm	29		x		x
5. Dịch vụ máy tính, thông tin	09	x	x	x	x
5.1. Dịch vụ máy tính	0902				
5.2. Dịch vụ thông tin	0903				
6. Phí sử dụng thương hiệu, bản quyền	08				
7. Bán/mua quyền sở hữu kết quả nghiên cứu phát triển	0802				
8. Dịch vụ kinh doanh	1009	x	x	x	x
8.1. Dịch vụ thuê hoạt động	10093				
8.2. Dịch vụ kinh doanh khác (không bao gồm xuất, nhập khẩu hàng hóa)	10099				
9. Dịch vụ cá nhân, văn hoá, giải trí	11	x		x	
10. Chi cho cán bộ, người lao động đi công tác nước ngoài	1109900	x	x	x	x
10.1. Chi tiền vé máy bay (mua vé máy bay của các hãng hàng không quốc tế)	1109901	x		x	
10.2. Chi khác (lưu trú, ăn uống, mua sắm, thể thao, giải trí..)(**)	1109902	x		x	

(Không yêu cầu đối với số liệu 6 tháng chỉ yêu cầu đối với số liệu năm, không chi tiết nước đối tác với các mã số khoanh tròn)

[illegible]

(**) Loại trừ chi phí mua sắm các hàng hóa phải khai báo hải quan

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Ký tên:

Chen

Khái niệm

1. Thương mại quốc tế về dịch vụ bao gồm các giao dịch về dịch vụ (không phải hàng hóa) giữa đơn vị thường trú và không thường trú.

2. Xuất khẩu (Thu) dịch vụ: là tổng số tiền doanh nghiệp đã và sẽ thu được từ đơn vị không thường trú của Việt Nam (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân - người tiêu dùng dịch vụ) về việc cung cấp các dịch vụ vận tải; xây dựng; tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; máy vi tính và thông tin, phí mua bản quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền; dịch vụ kinh doanh khác; dịch vụ cá nhân, văn hóa và giải trí; dịch vụ logistic mà doanh nghiệp đã cung cấp cho phía nước ngoài.

3. Nhập khẩu (Chi) dịch vụ: là tổng số tiền doanh nghiệp đã hoặc sẽ phải trả cho đơn vị không thường trú của Việt Nam (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân - người cung cấp dịch vụ ở nước ngoài) về việc tiêu dùng các dịch vụ vận tải; xây dựng, tái chính, ngân hàng; bảo hiểm; máy tính và thông tin, phí mua bản quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền; dịch vụ kinh doanh khác; dịch vụ cá nhân, văn hóa và giải trí; dịch vụ logistic mà phía nước ngoài đã cung cấp cho doanh nghiệp.

4. Đơn vị thường trú: là các tổ chức, cá nhân đóng tại lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân đóng tại nước ngoài, có lợi ích kinh tế trung tâm tại Việt Nam (Ví dụ: học sinh, sinh viên đang học tập ở nước ngoài)

5. Đơn vị không thường trú: là các tổ chức, cá nhân đóng ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân đóng ở Việt Nam nhưng có lợi ích kinh tế trung tâm ở nước ngoài (Ví dụ: học sinh, sinh viên nước ngoài đang học tập tại Việt Nam)

Giải thích phiếu

Câu 6. Thu/chi dịch vụ với nước ngoài (Xuất/nhập khẩu dịch vụ): là tổng số tiền mà bên cung cấp dịch vụ (xuất khẩu) hoặc bên sử dụng dịch vụ (nhập khẩu) nhận được từ/trả cho đối tác nước ngoài (đơn vị không thường trú)

Dịch vụ tài chính ngân hàng:

Dịch vụ thanh toán gồm phí chuyển tiền; dịch vụ thanh toán bù trừ liên ngân hàng

Dịch vụ bảo lãnh tín dụng gồm phí bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh nhận hàng, bảo lãnh đối ứng, bao thanh toán và các bảo lãnh khác.

Dịch vụ quản lý quỹ đầu tư gồm phí dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư vàng, quỹ đầu tư bất động sản,...

Dịch vụ tư vấn tài chính gồm các loại phí dịch vụ: Tư vấn tiền gửi, tư vấn thẩm định và tái thẩm định, tư vấn cổ phần hóa,... và các tư vấn liên quan đến tài chính khác.

Dịch vụ khác liên quan đến tài chính gồm các loại phí sau:

- Mở thư tín dụng, cấp hạn mức tín dụng và các công cụ tương tự khác;
- Dịch vụ cho thuê tài chính;
- Dịch vụ quản lý tài sản tài chính;
- Thu xếp các hợp đồng phát sinh tài chính;
- Dịch vụ lưu ký (giữ hộ) tài sản tài chính hoặc vàng
- Dịch vụ quản lý tài sản tài chính;
- Dịch vụ sáp nhập và mua lại;

- Dịch vụ tài chính doanh nghiệp và đầu tư mạo hiểm;
- Dịch vụ thẻ tín dụng và các dịch vụ cấp tín dụng khác;
- Giao dịch ngoại hối;
- Quản lý thị trường tài chính;
- Dịch vụ về các hợp đồng tương lai về hàng hóa;
- Xếp hạng tín dụng;
- Dịch vụ khác liên quan đến tài chính.

Mục II. Dịch vụ khác: ghi các dịch vụ có phát sinh trong kỳ vào các ô tương ứng

- Phí bảo hiểm: bao gồm các khoản phí bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ mà doanh nghiệp mua của công ty bảo hiểm ở nước ngoài

Câu 7. Nước đối tác: đối với xuất khẩu là nước mà khách hàng sử dụng dịch vụ do Việt Nam cung cấp; đối với nhập khẩu là nước mà có nhà cung cấp dịch vụ cho khách hàng Việt Nam.

- Ghi giá trị các dịch vụ có phát sinh ở Câu 6 chi tiết theo từng nước đối tác vào các ô tương ứng

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Phiếu số: 05/ĐTXNKDV-TCNH-6T

DN số:

Cơ quan Thống kê ghi

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ THU, CHI DỊCH VỤ CỦA DOANH NGHIỆP

Áp dụng cho các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Thực hiện theo Quyết định số 1634/QĐ-TCTK ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này đối với các doanh nghiệp được quy định theo Luật Thống kê.
- Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu:

- Đối với những câu hỏi/mục lựa chọn, hãy khoanh tròn vào một ô mã tương ứng với câu trả lời thích hợp nhất.
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, hãy ghi thông tin, số liệu vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1- Tên doanh nghiệp:

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

- Tên giao dịch (nếu có):

- Mã số thuế của doanh nghiệp (Viết đủ 10 số)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2- Địa chỉ doanh nghiệp (ghi đầy đủ nơi đặt trụ sở chính của DN)

- Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:

- Huyện/quận (thị xã, TP thuộc tỉnh):

- Xã/phường/thị trấn:

- Thôn, ấp, (số nhà, đường phố):

- Tên người đứng đầu doanh nghiệp:

- Số điện thoại:

Mã khu vực

--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--

- Số Fax:

Mã khu vực

--	--	--	--

Số máy

--	--	--	--	--	--	--	--

- Họ và tên người chịu trách nhiệm chính điền phiếu: Email:

- Phòng/ban/bộ phận người điền phiếu làm việc: Số điện thoại:

3- Loại hình kinh tế của doanh nghiệp (Khoanh tròn chữ số phù hợp):

1. DN Nhà nước

2. DN ngoài nhà nước

3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

4- Ngành hoạt động sản xuất kinh doanh chính năm 2020:

(Là ngành tạo ra giá trị sản xuất lớn nhất. Nếu không xác định được giá trị sản xuất thì dựa vào ngành có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)

Tên ngành:

--	--	--	--	--

Cơ quan TK ghi (VSIC 2018)

5- Địa chỉ liên hệ lại với cơ quan thống kê: nếu cần trao đổi thêm, xin vui lòng liên hệ với:

- Tên cán bộ thống kê:

- Số điện thoại: E-mail:

- Chi cục Thống kê: Cục Thống kê:

- Địa chỉ:

thực

6. Thu/chi dịch vụ với nước ngoài

Đơn vị tính: USD ^(*)

Tên chỉ tiêu	Mã dịch vụ/Mã số	Ước tính 6 tháng đầu năm 2021	
		Thu	Chi
B	C	1	2
I. Dịch vụ tài chính	07	x	x
II. Dịch vụ khác	10	x	x
1. Dịch vụ viễn thông	0901	x	
2. Dịch vụ xây dựng	05	x	
3. Phí bảo hiểm (Không bao gồm phí bảo hiểm đối với hàng hóa nhập khẩu mà DN mua của nước ngoài)	19	x	
4. Nhận bồi thường bảo hiểm	29		x
5. Dịch vụ máy tính, thông tin	09	x	x
5.1. Dịch vụ máy tính	0902		
5.2. Dịch vụ thông tin	0903		
6. Phí sử dụng thương hiệu, bản quyền	08		
7. Bán/mua quyền sở hữu kết quả nghiên cứu phát triển	0802		
8. Dịch vụ kinh doanh	1009	x	x
8.1. Dịch vụ thuê hoạt động	10093		
8.2. Dịch vụ kinh doanh khác (không bao gồm xuất, nhập khẩu hàng hóa)	10099		
9. Dịch vụ cá nhân, văn hoá, giải trí	11	x	
10. Chi cho cán bộ, người lao động đi công tác nước ngoài	1109900	x	x
10.1. Chi tiền vé máy bay (mua vé máy bay của các hãng hàng không quốc tế)	1109901	x	
10.2. Chi khác (lưu trú, ăn uống, mua sắm, thể thao, giải trí..)(**)	1109902	x	

Ghi chú: ^(*) Các loại tiền khác phải qui đổi về USD theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố vào thời điểm giao dịch

(**) Loại trừ chi phí mua sắm các hàng hóa phải khai báo hải quan

Điều tra viên:

- Họ và tên:
- Điện thoại:
- Ký tên:

Ngày tháng năm
Giám đốc/Chủ Doanh nghiệp
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Định

Khái niệm

1. Thương mại quốc tế về dịch vụ bao gồm các giao dịch về dịch vụ (không phải hàng hóa) giữa đơn vị thường trú và không thường trú.

2. Xuất khẩu (Thu) dịch vụ: là tổng số tiền doanh nghiệp đã và sẽ thu được từ đơn vị không thường trú của Việt Nam (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân - người tiêu dùng dịch vụ) về việc cung cấp các dịch vụ vận tải; xây dựng; tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; máy vi tính và thông tin, phí mua bản quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền; dịch vụ kinh doanh khác; dịch vụ cá nhân, văn hóa và giải trí; dịch vụ logistic mà doanh nghiệp đã cung cấp cho phía nước ngoài.

3. Nhập khẩu (Chi) dịch vụ: là tổng số tiền doanh nghiệp đã hoặc sẽ phải trả cho đơn vị không thường trú của Việt Nam (doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân - người cung cấp dịch vụ ở nước ngoài) về việc tiêu dùng các dịch vụ vận tải; xây dựng, tái chính, ngân hàng; bảo hiểm; máy tính và thông tin, phí mua bản quyền sử dụng giấy phép, thương hiệu, bản quyền; dịch vụ kinh doanh khác; dịch vụ cá nhân, văn hóa và giải trí; dịch vụ logistic mà phía nước ngoài đã cung cấp cho doanh nghiệp.

4. Đơn vị thường trú: là các tổ chức, cá nhân đóng tại lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân đóng tại nước ngoài, có lợi ích kinh tế trung tâm tại Việt Nam (Ví dụ: học sinh, sinh viên đang học tập ở nước ngoài)

5. Đơn vị không thường trú: là các tổ chức, cá nhân đóng ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân đóng ở Việt Nam nhưng có lợi ích kinh tế trung tâm ở nước ngoài (Ví dụ: học sinh, sinh viên nước ngoài đang học tập tại Việt Nam)

Giải thích phiếu

Câu 6. Thu/chi dịch vụ với nước ngoài (Xuất/nhập khẩu dịch vụ): là tổng số tiền mà bên cung cấp dịch vụ (xuất khẩu) hoặc bên sử dụng dịch vụ (nhập khẩu) nhận được từ/trả cho đối tác nước ngoài (đơn vị không thường trú)

Dịch vụ tài chính ngân hàng:

Dịch vụ thanh toán gồm phí chuyển tiền; dịch vụ thanh toán bù trừ liên ngân hàng

Dịch vụ bảo lãnh tín dụng gồm phí bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh nhận hàng, bảo lãnh đối ứng, bao thanh toán và các bảo lãnh
Dịch vụ quản lý quỹ đầu tư gồm phí dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư vàng, quỹ đầu tư bất động sản,...

Dịch vụ tư vấn tài chính gồm các loại phí dịch vụ: Tư vấn tiền gửi, tư vấn thẩm định và tái thẩm định, tư vấn cổ phần hóa,... và các tư vấn liên quan đến tài chính khác.

Dịch vụ khác liên quan đến tài chính gồm các loại phí sau:

- Mở thư tín dụng, cấp hạn mức tín dụng và các công cụ tương tự khác;
- Dịch vụ cho thuê tài chính;
- Dịch vụ quản lý tài sản tài chính;
- Thu xếp các hợp đồng phát sinh tài chính;
- Dịch vụ lưu ký (giữ hộ) tài sản tài chính hoặc vàng
- Dịch vụ quản lý tài sản tài chính;
- Dịch vụ sáp nhập và mua lại;
- Dịch vụ tài chính doanh nghiệp và đầu tư mạo hiểm;
- Dịch vụ thẻ tín dụng và các dịch vụ cấp tín dụng khác;

- Giao dịch ngoại hối;
- Quản lý thị trường tài chính;
- Dịch vụ về các hợp đồng tương lai về hàng hóa;
- Xếp hạng tín dụng;
- Dịch vụ khác liên quan đến tài chính.

Mục II. Dịch vụ khác: ghi các dịch vụ có phát sinh trong kỳ vào các ô tương ứng

- Phí bảo hiểm: bao gồm các khoản phí bảo hiểm nhân thọ và phí nhân thọ mà doanh nghiệp mua của công ty bảo hiểm ở nước ngoài